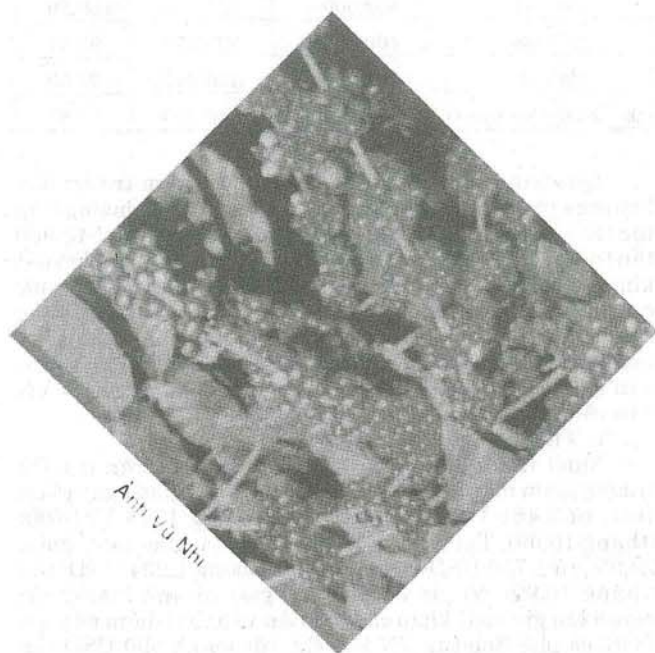


THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ, XUẤT KHẨU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ GIÁ CẢ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY CÀ PHÊ Ở VIỆT NAM

Thạc sĩ TRẦN BÁ THỌ



Ảnh Vũ Nhù



I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ Ở VIỆT NAM

1. Tình hình sản xuất cà phê ở Việt Nam

Cà phê VN được phân bố rộng rãi từ Bắc chí Nam trên nhiều tỉnh trung du, miền núi và cao nguyên. Trước kia, người ta trồng ca 3 loại : cà phê chè (Arabica), cà phê vối (Robusta) và cà phê mít (Excelsa). Nay cà phê mít bị loại bỏ dần vì giá trị kinh tế thấp. Còn lại cà phê chè và vối, do có yêu cầu và điều kiện sinh thái khác nhau nên được trồng ở các vùng khác nhau. Về mặt địa lý, có 2 vùng sinh thái phía Bắc và phía Nam, lấy đèo Hải Vân làm ranh giới. Sự phân chia này cũng phù hợp với kết quả phân vùng địa lý thổ nhưỡng của Việt Nam vì đất miền Bắc là đất không bazan, thích hợp với cà phê chè, đất ở miền Nam là đất đỏ latosol, phát triển trên đá bazan, thích hợp với cà phê vối.

Do chú trọng đầu tư thâm canh nên cà phê VN có năng suất và sản lượng cao. Liên tục nhiều năm năng suất tăng rõ rệt từ 600 - 700kg nhân/ha nay đạt bình quân 1,4 tấn nhân/ha, cá biệt có nơi 4 - 4,5 tấn nhân/ha. World Bank đánh giá năm 1996 năng suất cà phê vối (Robusta) của VN (1,48 tấn/ha) xếp nhì thế giới, sau Costa Rica (1,6 tấn/ha), trên Thái Lan (0,99 tấn/ha). Cùng với năng suất, diện tích và sản lượng cà phê của VN cũng đang ở mức rất cao, có xu hướng tiếp tục tăng.

Diện tích, năng suất và sản lượng của cà phê VN

Niên vụ	DT trồng cà phê (ha)	DT tăng so với niên vụ trước (ha)	SL cà phê (Tấn)	SL tăng so với niên vụ trước (tấn)	NS cà phê VN (tấn/ha)	NS tăng so với niên vụ trước (tấn/ha)
90 - 91	135.500		82.500		0,61	
91 - 92	135.500	0	131.400	48.900	0,97	0,36
92 - 93	143.000	7.500	145.200	13.800	1,02	0,05
93 - 94	148.800	5.800	179.000	33.800	1,20	0,19
94 - 95	164.600	15.800	212.150	33.150	1,29	0,09
95 - 96	186.000	37.200	235.000	22.850	1,26	0,06
96 - 97	254.000	68.000	362.000	127.000	1,43	0,16
97 - 98	296.000	42.000	400.000	38.000	1,35	-0,07
98 - 99	350.000	54.000	420.000	20.000	1,20	-0,15
99 - 2000 (Ước đoán)	420.000	70.000	600.000	180.000	1,43	0,23

Qua bảng số liệu trên, nhận thấy rằng diện tích cà phê VN tăng rất mạnh và còn tiếp tục tăng. Đây chính là kết quả từ chính sách khuyến khích phát triển cà phê của chính phủ trong kinh tế hộ gia đình, từ nhân kết hợp với đầu tư hỗ trợ của nhà nước qua các chương trình định canh, định cư, phủ xanh đồi trọc, đất trồng. Bên cạnh mặt

đáng mừng, diện tích tăng mạnh cũng phản ánh một tình trạng đáng ngại đó là sự phát triển vượt tầm kiểm soát của cà phê trồng mới. Đây là một trở ngại trong việc công tác chỉ đạo kinh doanh xuất khẩu.

Qua số liệu trên năng suất tăng lên nhờ những nguyên nhân sau :

- Khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi cho cây cà phê 70% diện tích cà phê VN được trồng trên đất đỏ bazan có độ phì nhiêu cao, trồng dày, tưới xốp.

- Khí hậu VN có mùa khô tuy khắc nghiệt nhưng do giải quyết tưới tiêu tốt nên biến được hạn chế thành thuận lợi.

- Cơ chế quản lý của ta đổi mới, chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất, vườn cây cho người lao động đã nâng ý thức làm chủ lên cao, nhờ đó vườn cây được chăm sóc tốt, đầu tư thâm canh tăng cao, đất đai được sử dụng triệt để.

2. Tình hình tiêu thụ nội địa của cà phê VN

Cà phê là thức uống được nhiều người VN yêu thích, nhưng do mức sống còn thấp và việc dùng cà phê chưa là tập quán như uống trà nên phần lớn cà phê sản xuất ra ta dành cho xuất khẩu, tiêu thụ nội địa ít, chỉ đạt 6.000 tấn/năm, chiếm từ 1,5 - 2% tổng sản lượng. Với đà phát triển như hiện nay, mức sống VN sẽ được cải thiện và nhu cầu uống cà phê sẽ tăng lên. Nghĩa là mức tiêu thụ nội địa của cà phê VN sẽ tăng, ước tính đến năm 2010 tiêu thụ nội địa của nước ta đạt từ 5-7% tổng sản lượng bình quân trên đầu người từ 0,1 - 0,2Kg/người/ năm.

Mặt khác, quan hệ quốc tế của ta ngày càng mở rộng, người nước ngoài vào VN để làm việc và du lịch nhiều lên, nhu cầu tiêu thụ cà phê cũng vì thế gia tăng.

3. Tình hình xuất khẩu cà phê VN

a. Theo thị trường : Trước năm 1985 thị trường xuất khẩu cà phê VN chủ yếu là các nước thuộc khu vực I. Liên Xô là thị trường chính, khối lượng nhập khẩu chiếm 55 - 56% sản lượng cả khu vực. Từ cuối năm 1985 trở đi VN bắt đầu xuất sang các nước thuộc khu vực II. Thời kỳ này, ta chưa gia nhập Hiệp hội Cà phê Quốc tế (ICO) nên việc xuất khẩu chỉ là xuất thử hoặc xuất qua trung gian, thường là Singapore với tỷ lệ 30-40% tổng sản lượng bằng 60% lượng xuất khẩu sang khu vực II với giá thấp vì chất lượng cà phê của ta còn thấp trong khi chất lượng yêu cầu của các nước tiêu thụ trực tiếp lại rất cao. Đến năm 1994 trở đi VN mới thâm nhập được vào thị trường các nước Tây Âu, Nhật và Mỹ, giảm hẳn lượng xuất qua trung gian Singapore, nâng kim ngạch xuất khẩu lên đáng kể. Sự có mặt của cà phê VN trên thị trường Mỹ là chứng nhận cho nỗ lực to lớn của nhà xuất khẩu VN.

Thị trường xuất khẩu cà phê VN (Tấn)

Niên vụ Khu vực	95 - 96	96 - 97	97 - 98	98 - 99
Châu Mỹ	67.048	84.255	87.384	69.381
Châu Á	45.045	32.248	45.943	28.564
Châu Phi	6.767	11.729	4.816	5.340
Châu Âu	94.982	189.048	243.297	278.125
Châu Úc	6.913	7.038	8.839	15.483
Tổng cộng	220.755	324.318	390.279	396.893

Qua bảng số liệu trên, ta thấy nếu như niên vụ 95 - 96 thị trường Châu Á nhập 45.045 tấn cà phê VN (chiếm 20,4% tổng sản lượng xuất khẩu của VN), thị trường Châu Âu nhập 94.982 tấn (tỷ lệ 43,03%), thì trong niên vụ 98-99 thị trường Châu Á chỉ còn nhập 28.564 tấn (tỷ lệ 7,20%), thị trường Châu Âu nhập 278.125 tấn (70,08%). Điều này chứng tỏ các nhà xuất khẩu cà phê VN đang từng bước hạn chế việc xuất qua trung gian và cố gắng mở rộng thị trường

sang các nước có nhu cầu tiêu thụ cà phê lớn như: Mỹ, Đức, Anh, Pháp ...

b. Theo số lượng :

Niên vụ	Số lượng cà phê VN thu hoạch được (tấn)	Số lượng cà phê VN xuất khẩu (tấn)	Tỷ lệ xuất khẩu (%)
90 - 91	82.500	67.774	82,15
91 - 92	131.400	79.070	60,18
92 - 93	145.200	130.528	89,90
93 - 94	179.000	165.190	92,28
94 - 95	212.450	192.088	90,42
95 - 96	235.000	220.755	93,94
96 - 97	362.000	324.318	89,59
97 - 98	400.000	390.279	97,57
98 - 99	420.000	396.893	94,50
99 - 2000 (Ước đoán)	600.000	546.000	90,83

Qua bảng số liệu trên ta thấy mười năm trở lại đây lượng cà phê VN xuất khẩu tăng nhiều và có xu hướng tiếp tục tăng từ 67.774 tấn (niên vụ 90-91) lên thành 546.000 tấn (niên vụ 99 - 2000) tăng lên 8 lần. Hàng năm tỷ lệ xuất khẩu so với sản lượng thu hoạch khá ổn định và giữ ở mức cao, đa số từ 90% trở lên, tiêu thụ nội địa khoảng 10% tổng sản lượng. Con số này một phần phản ánh chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu cà phê của VN, một phần cho thấy so với dân chúng các nước khác thì thói quen uống cà phê ở VN vẫn còn ít.

c. Theo giá cả :

Mười tháng đầu năm 1999 giá cà phê trên các thị trường giảm mạnh. Tại New York, Arabica giao ngay giảm 16%, từ 2.461 USD/tấn (quý 1/99) xuống 1978 USD/tấn (tháng 10/99). Tại Luân Đôn giá Robusta, giao ngay giảm 29,5%, từ 1.750 USD/tấn (quý 1/99) xuống 1.234 USD/tấn (tháng 10/99). Vì giá cà phê thế giới có ảnh hưởng rất mạnh lên giá xuất khẩu của VN nên vào thời điểm này giá FOB, cà phê Robusta VN loại R2 rớt mạnh 590 USD/tấn từ 1.565 USD/ tấn xuống còn 976 USD/ tấn. Có nhiều nguyên nhân tác động làm giá cà phê giảm mạnh. Trước hết là do nguồn cung tăng mạnh. Theo USDA, sản lượng cà phê thế giới vụ 98 - 99 so với vụ 97/98 ước tính tăng 9,2% tương đương với 8,96 triệu bao (1 bao = 60kg) đạt 106,63 triệu bao. Trong đó, sản lượng cà phê của Brazil tăng kỷ lục, tăng 11,2 triệu bao, đạt 34,7 triệu bao. Sản lượng cao kỷ lục và đồng real của Brazil mười tháng đầu năm 1999 giảm mạnh đã đưa cà phê xuất khẩu của nước này tăng mạnh. Thêm vào đó, đồng rupiah của Indonesia trong những tháng 8-10/99 giảm mạnh cũng làm xuất khẩu cà phê của nước này tăng đáng kể. Xuất khẩu tăng tại các nước chủ chốt khiến cung cao vượt trội cầu, dẫn đến kết quả là giá cà phê xuất khẩu giảm mạnh và giảm liên tục trong suốt 10 tháng đầu năm 1999.

Đến 2 tháng cuối năm 1999 giá cà phê thế giới hồi phục rất đáng kể. Tại New York, giá Arabica giao ngay tăng 35% đạt 2.790 USD/ tấn (tháng 10/99). Tại Luân Đôn, giá Robusta giao ngay tăng 21% đạt 1.510 USD/tấn. Giá cà phê VN theo đó tăng mạnh. Thời điểm tháng 10/99 giá FOB Robusta VN loại R2 hồi phục ở mức 1.070 USD/tấn, tăng 70 USD/tấn.

Nguyên nhân làm giá tăng lại chính là đợt khô hạn vào 2 tháng cuối năm tại nhiều vùng trồng cà phê chính của Brazil khiến cà phê ra hoa sớm hàng loạt trên những vùng diện tích rộng lớn, tổ rõ nguy cơ giảm mạnh sản lượng cà phê xuất khẩu của Brazil niên vụ 99/2000. Hai tháng cuối năm 1999, xuất khẩu cà phê của Brazil chỉ đạt

1,88 triệu bao/ tháng giảm 13% so với cùng thời điểm mùa vụ trước. Xuất khẩu cà phê của Colombia, cũng ở mức thấp vào tháng 10/99 chỉ đạt 696 ngàn bao/tháng giảm 19% so với cùng thời điểm của mùa vụ trước. Nguồn cung cấp giảm đáng kể ở 2 nước chủ chốt đã khiến các nhà đầu cơ đều tăng cường hoạt động mua vào và đẩy giá cà phê tăng nhanh trong 2 tháng cuối năm.

Theo thống kê chưa đầy đủ của USDA, sản lượng cà phê thế giới vụ 99-2000 giảm 2%, còn khoảng 104,05 triệu bao, tiêu thụ cà phê thế giới vụ 99-2000 tăng nhanh khoảng 1,1 triệu bao so với đầu vụ trước, đạt mức 104,3 triệu bao. Tuy nhiên, tồn kho cà phê thế giới đầu vụ 99-2000 dự đoán tăng tới 3,43 triệu bao so với đầu vụ trước lên 43 triệu bao, đáp ứng được 41,2% tổng nhu cầu cà phê thế giới. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho giá cà phê thế giới năm 2000 vẫn tiếp tục duy trì ở mức giá thấp của năm 1999, ảnh hưởng nghiêm trọng lên mặt bằng giá cả cà phê xuất khẩu tại VN, gây nhiều tổn thất cho các nhà xuất khẩu và nông dân VN.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ GIÁ CÀ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÂY CÀ PHÊ VN

1. Mục tiêu phát triển xuất khẩu cà phê VN đến năm 2010

Thời gian qua, vì nền kinh tế trên thế giới đi lên và dân số gia tăng, tiêu dùng cà phê trên thế giới cũng tăng theo nhưng cung vẫn cao hơn cầu. Giá cà phê trên thị trường thế giới thường biến động phức tạp do tác động của đầu cơ. Giá đột nhiên hạ hay tăng đều gây nguy khốn cho nhiều doanh nghiệp xuất khẩu. Với người sản xuất thì giá hạ sẽ làm họ bị thua lỗ. Có nhiều yếu tố tác động lên giá thế giới như: khủng hoảng tài chính Châu Á, Brazil phá giá đồng real hoặc do sương giá, Indonesia không ổn định chính trị, Colombia động đất. Thêm vào đó tình hình, tồn kho hàng năm, dự báo sản lượng của các nước sản xuất tác động đến cán cân cung cầu trên thị trường gây nên tác động lớn lên giá cà phê thế giới.

Dự báo sản xuất cà phê thế giới (triệu tấn)

Khu vực	Năm	2000	2005	Tăng trưởng bình quân (%)
Các nước công nghiệp		12	12	0
Các nước đang phát triển		6.402	6.858	1,58
- Châu Á		1.184	1.426	2,63
- Châu Phi		1.006	1.260	0,73
- Châu Mỹ		3.383	4.048	1,60
- Các nước Châu Đại Dương		69	84	1,88
Toàn thế giới		6.414	6.870	1,58

Dự báo tiêu thụ cà phê thế giới (triệu tấn)

Khu vực	Năm	2000	2005	Tăng trưởng bình quân (%)
Các nước công nghiệp		3.917	4.142	0,78
- Mỹ		1.056	979	-0,01
- EU		1.910	2.046	1,18
- Các nước Tây Âu khác		336	347	0,37
- Châu Á		474	552	3,25
Đông Âu và Liên Xô cũ		408	462	2,39
Các nước đang phát triển		2.116	2.298	1,49
- Brazil		651	702	1,30
- Nam Âu		120	125	0,70
Toàn thế giới		6.441	6.902	1,10

Trong xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa kinh tế, thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập, VN tham gia khu vực mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA) và sắp trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO. Lợi thế mà AFTA và WTO có thể đem lại cho sản xuất nông sản VN nói chung và cà phê VN nói riêng là nâng cao sức cạnh tranh và khả năng mở rộng thị trường trên thế giới. Dự kiến năm 2010 tổng sản lượng cà phê VN là 600.000 tấn.

2. Những giải pháp về giá cả đối với cây cà phê VN

a. Giá bán vật tư: Nông phẩm là thị trường cạnh tranh hoàn hảo, ở đó mỗi người sản xuất chỉ cung ứng ra thị trường phần nông phẩm rất nhỏ so với tổng cung toàn xã hội nên họ không thể độc quyền về giá mà phải theo mức giá hình thành khách quan trên thị trường. Ở VN giá nông phẩm nói chung và giá cà phê nói riêng thường biến động, đủ sức can thiệp vào mặt bằng giá thị trường thì chỉ có nhà nước thông qua chính sách bảo hộ giá. Quỹ bình ổn giá của chính phủ trong thời gian qua có tác động nhất định nhưng đối tượng thụ hưởng tập trung vào doanh nghiệp nhà nước, người nông dân được hỗ trợ ít. Nên chăng nhà nước có thêm giải pháp bảo hộ gián tiếp khác.

Với nông nghiệp nói chung và cà phê nói riêng, nhà nước cần có nhiều biện pháp bảo hộ, đáng chú ý nhất là bảo hộ thông qua chính sách đầu tư. Biểu hiện của biện pháp này là nhà nước bán các vật tư phục vụ cho quá trình sản xuất nông nghiệp với mức giá thấp hơn so với giá thị trường. Biện pháp này sẽ có tác dụng nâng cao lợi ích của nông dân, duy trì và phát triển diện tích sản xuất, kích thích nông dân đầu tư thâm canh tăng năng suất, từ đó gia tăng sản lượng. Mặt khác, biện pháp này còn có tác dụng đối phó với hiệp định nông nghiệp do WTO đặt ra. Hiệp định này có những quy định làm tăng khả năng tiếp cận thị trường của các mặt hàng nông sản, trong đó có cà phê.

b. Trợ giá sản xuất: Đặc điểm sản xuất tiêu thụ hàng nông sản nói chung và cà phê nói riêng là thời kỳ thu hoạch tập trung trong khoảng thời gian ngắn, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ rải đều các tháng trong năm do đó dẫn đến trong thời kỳ thu hoạch nông sản, lượng cung nông sản tăng rất mạnh trong khi đó nhu cầu tiêu thụ không thay đổi dẫn đến giá nông sản nói chung sẽ giảm, thậm chí có thời kỳ giảm xuống thấp hơn chi phí sản xuất. Điều này ảnh hưởng lớn đến lợi ích của nông dân và ảnh hưởng xấu đến diện tích và sản lượng ở mùa vụ sau. Vì vậy để bảo vệ quyền lợi của nông dân, duy trì và mở rộng sản xuất ở thời kỳ sau, nhà nước cần công bố mức giá sàn để các doanh nghiệp biết và chấp hành. Mức giá sàn mà nhà nước công bố phải bảo đảm bù đắp được chi phí sản xuất, và có một mức lãi hợp lý cho người nông dân.

Ở mức giá sàn này lượng cung nông sản lớn hơn lượng cầu thị trường do đó sẽ có tình trạng dư thừa. Vì vậy nhà nước cần phải giải quyết lượng hàng dư thừa này bằng cách sử dụng quỹ dự trữ để mua hết lượng hàng dư thừa này, nếu các doanh nghiệp tham gia mua nông sản để dự trữ ở mức giá sàn, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp như không tính lãi suất đối với khoản tiền mà các doanh nghiệp vay để mua nông sản dự trữ. Đối với cà phê VN, khối lượng cà phê dự trữ chủ yếu để xuất khẩu, do đó khi giá thế giới tăng lên do yếu tố đầu cơ, chứ không phải do mất mùa ở các nước Brazil, Indonesia thì chúng ta phải bán ngay để được giá cao, vì giá sẽ lên không bền.

Trong phạm vi bài báo có giới hạn tôi chỉ nêu ra những giải pháp cơ bản. Ngoài các giải pháp trên đây, còn có thể thực hiện một số giải pháp khác về giá như trợ cấp đầu ra ... ■